

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý IV năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.254.443.131.429</b>	<b>888.198.510.305</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>55.948.393.128</b>	<b>158.213.544.035</b>
1. Tiền	111		55.798.393.128	158.213.544.035
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.975.170.700</b>	<b>8.055.501.400</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.466.929.414	13.537.927.414
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(6.491.758.714)	(5.482.426.014)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>436.032.717.429</b>	<b>266.101.767.527</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	285.557.558.762	143.181.077.035
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	125.552.021.992	113.873.147.399
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	25.652.561.692	9.047.543.093
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(729.425.017)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.657.503.212.762</b>	<b>417.148.392.498</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.657.503.212.762	417.148.392.498
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>100.983.637.410</b>	<b>38.679.304.845</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.771.849.839	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		91.267.326.400	37.609.263.035
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		944.461.171	1.070.041.810

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.555.112.841.882</b>	<b>6.377.015.377.786</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.293.782.355.797</b>	<b>6.137.305.903.446</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	7.846.372.418.718	1.385.964.508.805
<i>Nguyên giá</i>	222		9.780.971.239.853	1.814.251.323.143
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.934.598.821.135)	(428.286.814.338)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	116.674.154.086	85.407.428.189
<i>Nguyên giá</i>	228		124.440.483.498	89.544.343.362
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.766.329.412)	(4.136.915.173)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	1.330.735.782.993	4.665.933.966.452
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>48.370.000.000</b>	<b>48.580.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	56.000.000.000	56.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.12	(7.630.000.000)	(7.420.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>212.960.486.085</b>	<b>191.129.474.340</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	210.040.259.091	189.295.084.210
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	2.920.226.994	1.834.390.130
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>11.809.555.973.311</b>	<b>7.265.213.888.092</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.982.129.151.315</b>	<b>6.094.240.904.860</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.185.875.077.069</b>	<b>1.337.288.760.894</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	1.838.794.821.582	742.303.071.987
2. Phải trả người bán	312	V.16	1.138.137.046.398	524.159.514.796
3. Người mua trả tiền trước	313		4.338.121.643	5.772.840.158
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	20.628.957.925	8.018.652.122
5. Phải trả người lao động	315	V.18	27.971.361.706	36.083.433.261
6. Chi phí phải trả	316	V.19	112.076.944.528	6.159.654.952
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	47.357.045.243	17.440.344.379
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	(3.429.221.956)	(2.648.750.760)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II.N ợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.796.254.074.246</b>	<b>4.756.952.143.965</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	6.796.254.074.246	4.756.952.143.965
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.827.426.821.996</b>	<b>1.170.972.983.232</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.827.426.821.996</b>	<b>1.170.972.983.232</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	1.980.000.000.000	1.100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	70.790.410.045	68.945.452.346
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.23	5.517.214.120	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.23	(902.752.100)	(902.752.100)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.23	(472.130.953.346)	(215.666.661.549)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	97.063.215.208	47.284.353.739
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	31.401.970.440	14.200.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	115.687.717.629	157.112.590.796
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II.Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>11.809.555.973.311</b>	<b>7.265.213.888.092</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		42.887.708	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		190.991.779	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.756,96	9.725,60
Euro (EUR)		1.279,80	41.906,12
Dollar HongKong (HKD)		-	7.117.262,76
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2011



**Trương Thị Thu Hương**  
Người lập biểu

**Lê Thị Phương Dung**  
PT phòng tài chính kế toán

**Trần Việt Thắng**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý IV năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.357.348.747.980	919.437.456.431	4.411.545.989.598	2.840.818.898.033
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	84.544.085.114	17.971.813.000	160.351.370.228	23.976.197.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.272.804.662.866	901.465.643.431	4.251.194.619.370	2.816.842.700.833
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.013.500.438.713	768.710.701.185	3.529.908.681.529	2.291.272.590.138
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		259.304.224.153	132.754.942.246	721.285.937.841	525.570.110.695
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.821.723.212	8.416.771.318	70.320.645.627	18.429.225.831
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	169.942.225.757	33.972.172.616	363.932.600.879	90.096.888.711
Trong đó: chi phí lãi vay	23		143.638.788.379	24.612.349.269	311.634.331.325	66.435.177.497
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	59.107.306.740	44.884.216.586	163.230.281.314	143.533.605.036
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	63.649.770.910	36.429.872.017	184.852.008.098	118.300.960.652
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(28.573.356.042)	25.885.452.345	79.591.693.177	192.067.882.127
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.701.133.822	(272.443.249)	8.757.320.805	3.400.916.702
12. Chi phí khác	32		4.064.845.137	(6.918.097.473)	8.142.134.626	11.959.426.663
13. Lợi nhuận khác	40		2.636.288.685	6.645.654.224	615.186.179	(8.558.509.961)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(25.937.067.357)	32.531.106.569	80.206.879.356	183.509.372.166
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	4.071.646.321	28.492.819.243	22.986.036.639
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	(2.568.466.000)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(25.937.067.357)	28.459.460.248	54.282.526.113	160.523.335.527
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

Ghi chú: Số lũy kế năm nay bao gồm số của công ty CP Xi Măng Hà Tiên 2 ( cũ ) từ tháng 5/2010 đến nay

Trương Thị Thu Hương  
Người lập biểuLê Thị Phương Dung  
PT phòng tài chính kế toánTrần Việt Thắng  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Lũy Kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy Kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý IV/2010	Quý IV/2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		80.206.379.355	183.509.372.166
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9, 21	237.451.099.350	80.383.461.086
- Các khoản dự phòng	03		1.948.757.717	(8.405.431.266)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(42.754.640.121)	(6.462.607.747)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.039.853.697)	1.813.922.903
- Chi phí lãi vay	06		311.634.331.326	66.435.177.497
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		581.446.073.930	317.273.894.639
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(225.278.694.509)	154.592.245.851
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.240.354.820.264)	711.802.761.196
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		661.042.273.302	(462.642.139.085)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(59.575.021.530)	(24.542.803.210)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(391.369.327.021)	(61.330.732.849)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.13	(68.015.728.315)	(18.914.398.318)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.129.943.654.932	642.393.456
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(220.213.365.074)	(2.645.103.414)
- Chênh lệch tỉ giá trong giai đoạn đầu tư			(256.464.291.797)	(215.666.661.549)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>911.160.753.655</b>	<b>398.569.456.716</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.249.312.884.315)	(2.479.728.640.480)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.000.000	11.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(190.082.900)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.653.465.866
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(136.986.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		3.914.603.261	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.269.361.169	2.856.800.820
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.238.264.905.885)</b>	<b>(2.471.396.911.239)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2010	Quý IV/2009
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	298.945.452.346
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.806.478.157.827	3.412.475.637.437
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.435.053.981.993)	(1.515.092.047.180)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(145.709.915.200)	(47.903.710.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.225.714.260.634</b>	<b>2.148.425.332.353</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(101.389.891.596)</b>	<b>75.597.877.830</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>158.213.544.035</b>	<b>82.650.055.508</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(875.259.311)	(34.389.303)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>55.948.393.128</b>	<b>158.213.544.035</b>



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2011

**Trương Thị Thu Hương**  
Người lập biểu

**Lê Thị Phương Dung**  
Phụ trách phòng kế toán tài chính



**Trần Việt Thắng**  
Tổng Giám đốc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán xi măng, các sản phẩm từ xi măng, thạch cao, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng; Xây dựng dân dụng; Kinh doanh bất động sản (cao ốc văn phòng cho thuê). Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Theo Biên bản họp Đại hội cổ đông bất thường năm 2009 của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 ngày 29 tháng 12 năm 2009 và Biên bản họp Đại hội cổ đông của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 ngày 21 tháng 12 năm 2009, các cổ đông của hai công ty đã nhất trí sáp nhập Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Hà Tiên 2 sang Hà Tiên 1. Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 sẽ phát hành 88.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2. Việc phát hành cổ phiếu chuyển đổi đã hoàn tất vào ngày 05 tháng 5 năm 2010. Sau đó, ngày 26 tháng 6 năm 2010, Đại hội cổ đông của Công ty Cổ phần xi măng Hà tiên 1 (sau sáp nhập) đã bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát mới của Công ty.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Công ty chọn ngày sáp nhập là ngày 30 tháng 4 năm 2010 vì tại ngày này đã cơ bản hoàn tất việc chuyển đổi cổ phiếu.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Sản phẩm dở dang được tính cho nguyên vật liệu chính bao gồm clinker, thạch cao, đá vôi và đá mu rùa theo định mức cấu thành trong thành phẩm của từng dây chuyền sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Giá trị tài sản được chuyển giao từ Doanh nghiệp Nhà nước được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 27 tháng 9 năm 2006 của Công ty Kiểm toán Việt Nam và kết quả đánh giá lại tài sản của Công ty được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về xác định giá trị Doanh nghiệp để cổ

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

phần hóa, Quyết định số 960/QĐ-BXD ngày 03 tháng 7 năm 2007 về giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao 18 tháng 01 năm 2007 từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

### 6. Tài sản cố định vô hình

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giá trị chuyển nhượng và đánh giá lại của 20 ha đất tại Phước Cơ, TP. Vũng Tàu và đất tại 360 Bến Chương Dương, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.
- Các chi phí bồi thường và hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, cây trồng cho các hộ dân cư ngụ tại mô đá Vĩnh Tân – Đồng Nai. Chi phí này được phân bổ trong 10 năm và đã phân bổ hết.

#### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao 2 - 4 năm.

#### *Chi phí khác*

Bản quyền, bằng sáng chế là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền, bằng sáng chế vào sử dụng. Bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao trong 3 năm.

### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### ***Giá trị thương hiệu***

Giá trị thương hiệu của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 (trước sáp nhập) được xác định bởi Công ty kiểm toán Ernst & Young theo Báo cáo định giá ngày 25 tháng 6 năm 2006 và được định giá lại theo Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2006 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu được phân bổ trong 30 năm.

Giá trị thương hiệu của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 (trước sáp nhập) được xác định bởi Công ty TNHH tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) và được thông qua Quyết định số 865/QĐ-BXD ngày 11 tháng 6 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty xi măng Hà Tiên 2 bao gồm cả giá trị lợi thế của doanh nghiệp. Giá trị thương hiệu này được phân bổ trong thời gian 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

#### ***Chi phí tư vấn sáp nhập***

Chi phí tư vấn phát sinh trong quá trình sáp nhập Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 được phân bổ trong 3 năm.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **12. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### **13. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế. Thu nhập của riêng Công ty xi măng Hà Tiên 1 (không kể Nhà máy Kiên Lương) được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh chính trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm thứ 4 Công ty hoạt động kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế phải nộp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Đối với Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 (trước khi sáp nhập) thì việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Khi sáp nhập vào Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 thì việc xử lý chênh lệch tỷ giá thực hiện tương tự như Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1.

Riêng khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ của Ban quản lý (cụ thể là dự án Bình Phước) được ghi nhận vào chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán và sẽ thực hiện phân bổ trong thời gian tối đa 5 năm kể từ khi dự án hoàn thành đi vào sản xuất theo Công văn chấp thuận số 9636/BTC-TCĐN ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD  
: 27.729 VND/EUR

### **16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý IV</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	256.379.452	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng	55.542.013.676	129.121.149
Tiền đang chuyển, các khoản tương đương tiền	150.000.000	141.038.578.576
<b>Cộng</b>	<b><u>55.948.393.128</u></b>	<b><u>158.213.544.035</u></b>

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	76.495	7.379.750.000	70.000	7.314.800.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bày Bày	-	-	46.560	3.207.984.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	10.000	831.660.000	5.000	831.660.000
- Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	11.200	1.066.128.000	8.400	1.066.128.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	4.030	249.030.880	4.030	249.030.880
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	24.831	865.867.534	18.394	821.731.534
- Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An	4.160	69.993.000	2.600	46.593.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 909	1.050	4.500.000	600	-
<b>Cộng</b>		<b><u>10.466.929.414</u></b>		<b><u>13.537.927.414</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương: tăng do mua 6.495 cổ phiếu
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn: tăng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn công bố chia cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 1:1.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí: tăng do nhận cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 3:1.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: tăng do mua 3.678 cổ phiếu theo giá phát hành 12.000 đồng và cổ tức năm 2009 được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 15%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy: giảm do thanh lý toàn bộ cổ phiếu của công ty này.
- Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An: tăng do mua 1.560 cổ phiếu.
- Công ty Cổ phần Sông Đà 909 : tăng do mua 450 cổ phiếu

### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Số đầu năm	(5.482.426.014)
Trích lập trong kỳ	(1.009.332.700)
<b>Cộng</b>	<b>(6.491.758.714)</b>

### 4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối quý IV</u>	<u>Số đầu năm</u>
.Các khách hàng mua xi măng	239.177.543.963	132.574.400.390
Các khách hàng mua gạch, cát, vữa, clinker	2.125.997.378	4.758.494.913
Các khách hàng khác	44.254.017.421	5.848.181.732
<b>Cộng</b>	<b>285.557.558.762</b>	<b>143.181.077.035</b>

### 5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý IV</u>	<u>Số đầu năm</u>
Liên doanh TVT & Công ty Xây dựng & sản xuất vật liệu xây dựng	44.274.564.758	57.065.194.458
Các nhà cung cấp khác	81.277.457.234	56.807.952.941
<b>Cộng</b>	<b>125.552.021.992</b>	<b>113.873.147.399</b>

### 6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối quý IV</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT nhập khẩu chưa kê khai khấu trừ	8.248.164.355	8.339.918.451
Các khoản phải thu khác	17.404.397.337	707.624.642
<b>Cộng</b>	<b>25.652.561.692</b>	<b>9.047.543.093</b>

### 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý IV</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	81.335.419.282	34.742.857.142
Nguyên liệu, vật liệu	1.396.769.886.833	271.637.974.874
Công cụ, dụng cụ	1.129.367.888	2.118.169.730

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối quý IV</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	115.491.153.533	75.986.807.101
Thành phẩm	62.777.385.226	32.662.583.651
<b>Cộng</b>	<b><u>1.657.503.212.762</u></b>	<b><u>417.148.392.498</u></b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	292.319.162.331	1.450.142.752.935	61.360.840.763	10.428.567.114	-	1.814.251.323.143
Tăng trong năm	966.526.515.437	6.872.804.512.947	109.674.830.023	21.782.686.793	771.594.397	7.971.560.139.597
<i>Tăng do sáp nhập</i>	<i>773.659.842.818</i>	<i>1.504.641.471.857</i>	<i>93.218.384.724</i>	<i>16.162.247.295</i>	<i>377.696.397</i>	<i>2.388.059.643.091</i>
<i>Mua sắm mới</i>	<i>6.628.462.758</i>	<i>13.281.562.211</i>	<i>16.456.445.299</i>	<i>3.868.979.373</i>	<i>393.898.000</i>	<i>40.629.347.641</i>
<i>Đầu tư XDDB hoàn thành</i>	<i>186.238.209.861</i>	<i>5.354.866.878.879</i>	<i>-</i>	<i>1.595.649.235</i>	<i>-</i>	<i>5.542.700.737.975</i>
<i>Tăng khác</i>	<i>-</i>	<i>14.600.000</i>	<i>-</i>	<i>155.810.890</i>	<i>-</i>	<i>170.410.890</i>
Giảm trong năm	-	(3.449.069.162)	(1.050.851.000)	(340.302.725)	-	(4.840.222.887)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>-</i>	<i>(2.809.288.272)</i>	<i>(1.000.000.000)</i>	<i>(325.702.725)</i>	<i>-</i>	<i>(4.134.990.997)</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>-</i>	<i>(639.780.890)</i>	<i>(50.851.000)</i>	<i>(14.600.000)</i>	<i>-</i>	<i>(705.231.890)</i>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.258.845.677.768</u></b>	<b><u>8.319.498.196.720</u></b>	<b><u>169.984.819.786</u></b>	<b><u>31.870.951.182</u></b>	<b><u>771.594.397</u></b>	<b><u>9.780.971.239.853</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	125.483.405.817	258.760.650.077	36.549.424.740	7.493.333.704	-	428.286.814.338
Tăng trong năm	377.312.673.323	1.051.592.650.942	68.109.237.346	13.529.464.204	377.696.397	1.510.921.722.212
<i>Tăng do sáp nhập</i>	<i>343.204.415.710</i>	<i>864.645.365.159</i>	<i>57.650.353.450</i>	<i>9.493.712.105</i>	<i>377.696.397</i>	<i>1.275.371.542.821</i>
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>34.108.257.613</i>	<i>186.947.285.783</i>	<i>10.458.883.896</i>	<i>4.035.752.099</i>	<i>-</i>	<i>235.550.179.391</i>
Giảm trong năm	-	(3.294.094.672)	(1.000.000.000)	(315.620.743)	-	(4.609.715.415)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>-</i>	<i>(2.809.288.272)</i>	<i>(1.000.000.000)</i>	<i>(312.967.130)</i>	<i>-</i>	<i>(4.122.255.402)</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>-</i>	<i>(484.806.400)</i>	<i>-</i>	<i>(2.653.613)</i>	<i>-</i>	<i>(487.460.013)</i>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>502.796.079.140</u></b>	<b><u>1.307.059.206.347</u></b>	<b><u>103.658.662.086</u></b>	<b><u>20.707.177.165</u></b>	<b><u>377.696.397</u></b>	<b><u>1.934.598.821.135</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	166.835.756.514	1.191.382.102.858	24.811.416.023	2.935.233.410	-	1.385.964.508.805
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>756.049.598.628</u></b>	<b><u>7.012.438.990.373</u></b>	<b><u>66.326.157.700</u></b>	<b><u>11.163.774.017</u></b>	<b><u>393.898.000</u></b>	<b><u>7.846.372.418.718</u></b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Bản quyền</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	86.789.508.560	1.845.736.682	909.098.120	89.544.343.362
Tăng trong năm	60.115.997.620	1.727.152.058	3.110.987.268	64.954.136.946
<i>Tăng do sáp nhập</i>	<i>-</i>	<i>1.489.312.058</i>	<i>2.338.256.000</i>	<i>3.827.568.058</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Bản quyền</b>	<b>Cộng</b>
<i>Mua trong năm</i>	-	237.840.000	772.731.268	1.010.571.268
<i>Phân loại lại tài sản</i>	60.115.997.620	-	-	60.115.997.620
Giảm do phân loại lại	(30.057.996.810)	-	-	(30.057.996.810)
<b>Số cuối năm</b>	<b>116.847.509.370</b>	<b>3.572.888.740</b>	<b>4.020.085.388</b>	<b>124.440.483.498</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	1.789.508.560	1.654.790.065	692.616.548	4.136.915.173
Tăng trong năm	969.612.800	1.597.371.526	1.062.429.913	3.629.414.239
<i>Tăng do sáp nhập</i>	-	1.415.636.266	261.941.618	1.677.577.884
<i>Khấu hao trong năm</i>	969.612.800	181.735.260	800.488.295	1.951.836.355
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.759.121.360</b>	<b>3.252.161.591</b>	<b>1.755.046.461</b>	<b>7.766.329.412</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	85.000.000.000	190.946.617	216.481.572	85.407.428.189
<b>Số cuối năm</b>	<b>114.088.388.010</b>	<b>320.727.149</b>	<b>2.265.038.927</b>	<b>116.674.154.086</b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số cuối quý IV</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí xây dựng cơ bản tự làm	1.822.350.616	2.012.723.216
XDCB dở dang	1.317.636.646.741	4.656.680.339.644
<i>Dự án Bình Phước</i>	65.820.520.324	4.607.425.091.487
<i>Mỏ đá Vĩnh Tân</i>	-	22.081.170.466
<i>Dự án Văn phòng 360 Bến Chương Dương</i>	22.094.500.466	25.197.288.460
<i>ĐA Trạm Nghiền Long An</i>	-	-
<i>Dự Án Hà Tiên 2.2</i>	1.228.192.526.880	-
<i>Các công trình khác</i>	1.529.099.071	2.593.757.413
Sửa chữa lớn tự làm	11.276.785.636	6.623.935.410
<b>Cộng</b>	<b>1.330.735.782.993</b>	<b>4.665.933.966.452</b>

**11. Đầu tư dài hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
<b>Đầu tư cổ phiếu:</b>				
- Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng	700.000	14.000.000.000	700.000	14.000.000.000
- Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.100.000	42.000.000.000	2.100.000	42.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>56.000.000.000</b>		<b>56.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn như sau:

	Số lượng	Mệnh giá	Tổng giá trị theo mệnh giá	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng	700.000	10.000	7.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.100.000	10.000	21.000.000.000	42.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b>28.000.000.000</b>	<b>56.000.000.000</b>

**12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Số dư đầu năm	(7.420.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	
Trích lập trong năm	(210.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(7.630.000.000)</b>

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

Số đầu năm	189.295.084.210
Tăng do sáp nhập	60.371.117.803
Tăng trong năm	35.837.790.215
Kết chuyển trong năm	(15.347.735.517)
Kết chuyển khác	(60.115.997.620)
<b>Số cuối năm</b>	<b>210.040.259.091</b>

**14. Tài sản dài hạn khác**

Chủ yếu là khoản ký quỹ dài hạn.

**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	505.582.299.098	317.687.941.124
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	785.328.958.484	144.578.529.196
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20)	547.883.564.000	280.036.601.667
<b>Cộng</b>	<b>1.838.794.821.582</b>	<b>742.303.071.987</b>

Các khoản vay trên để bổ sung vốn lưu động và không phải thế chấp.

**16. Phải trả người bán**

	Số cuối quý IV	Số đầu năm
Công ty ABB – Switzerland	30.377.330.518	51.727.761.237
Công ty Haver & Boecker		13.339.232.607
Công ty Loesche	74.755.498.289	89.242.655.333
Công ty Lắp máy Lilama 18		10.054.321.090
Các nhà cung cấp khác	1.033.004.217.591	359.795.544.528
<b>Cộng</b>	<b>1.138.137.046.398</b>	<b>524.159.514.795</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Tăng do sáp nhập	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	6.388.452.088	63.671.645.313	(58.053.750.568)	12.006.346.833
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	(14.570.337)	110.940.542.792	(110.925.972.455)	
Thuế xuất, nhập khẩu	3.216.701.341	(4.243.788)	43.307.776.654	(46.446.622.463)	73.611.744
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.982.383.052	13.216.861.958	22.363.920.839	(33.879.979.941)	5.683.185.908
Thuế thu nhập cá nhân	495.494.929	966.721.650	11.441.968.738	(12.153.474.289)	750.711.028
Thuế tài nguyên	300.008.800	925.588.937	11.312.762.875	(10.950.366.895)	1.587.993.717
Tiền thuê đất	-	-	3.663.734.372	(3.663.734.372)	
Các loại thuế khác	-	125.591.237	5.214.512.291	(5.314.946.373)	25.157.155
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	24.064.000	423.172.530	3.276.567.190	(3.221.852.180)	501.951.540
<b>Cộng</b>	<b>8.018.652.122</b>	<b>22.027.574.275</b>	<b>277.948.276.632</b>	<b>(287.365.545.104)</b>	<b>20.628.957.925</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty là 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập của Công ty xi măng Hà Tiên 1 (không kể Nhà máy Kiên Lương) được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh chính trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm thứ 4 Công ty xi măng Hà Tiên 1 hoạt động kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế phải nộp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80.206.379.355	183.509.372.167
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	9.249.304.001	(335.121.206)
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.515.864.001	294.698.794
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.266.560.000)	(629.820.000)
Thu nhập chịu thuế	89.455.683.356	183.174.250.959
Thu nhập được miễn thuế	-	(22.896.781.370)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	89.455.683.356	160.277.469.589
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>22.363.920.839</b>	<b>45.793.562.740</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>-</b>	<b>(22.896.781.370)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>22.363.920.839</b>	<b>22.896.781.370</b>

### *Thuế tài nguyên*

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá, đất tại mỏ đá Vĩnh Tân và Kiên Lương với mức thuế suất là 7% dựa trên giá tính thuế và sản lượng khai thác.

### *Tiền thuê đất*

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho nhà máy, văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng và mỏ đá tại Vĩnh Tân, tỉnh Đồng Nai.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 18. Chi phí phải trả

Chủ yếu là trích trước chi phí lãi vay

## 19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý IV</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tổng công ty	31.683.579.308	11.254.285.251
Các khoản phải trả khác	15.673.465.935	6.186.059.128
<b>Cộng</b>	<b>47.357.045.243</b>	<b>17.440.344.379</b>

## 20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II <sup>(a)</sup>	509.818.262.727	530.764.862.141
Vay hợp vốn của 8 ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II làm đầu mối <sup>(b)</sup>	1.663.200.000.000	1.718.475.836.077
Vay Ngân hàng Soci�t� G�n�rale <sup>(c)</sup>	2.312.697.151.767	2.507.711.445.747
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang <sup>(d)</sup>	700.318.070.958	
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang <sup>(e)</sup>	198.800.248.221	
Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang <sup>(f)</sup>	249.318.026.646	
Vay Ngân hàng Calyon <sup>(g)</sup>	1.162.102.313.927	
<b>Cộng</b>	<b>6.796.254.074.246</b>	<b>4.756.952.143.965</b>

(a) Khoản vay thế chấp bằng tài sản của dự án Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II TP. Hồ Chí Minh để tài trợ dự án trạm nghiền tại Quận 9 với lãi suất theo thị trường, thời hạn vay 10 năm.

(b) Khoản vay thế chấp bằng tài sản của dự án, được tài trợ vốn vay hợp vốn của 8 Ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – Sở Giao dịch II làm đầu mối để tài trợ cho dự án Xi măng Bình Phước với khoản tín dụng tối đa là 1.980 tỷ VND, thời hạn vay 11 năm, lãi suất theo thị trường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (c) Khoản vay có bảo lãnh của Bộ Tài chính để tài trợ gói thiết bị số 1 Dự án Xi măng Bình Phước với hạn mức EUR 91.420.724 và USD 17.082.379, thời hạn vay 13 năm, lãi suất EURIBOR6M + 0,2%.
- (d) Khoản vay thế chấp bằng Quyền sử dụng đất thuê với diện tích 7.243.385 m<sup>2</sup>, tài sản gắn liền trên đất tại Thị trấn Kiên Lương, Kiên Giang và tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay dùng để tài trợ cho Dự án Hà tiên 2.2 và Dự án chuyển đổi nhiên liệu từ đốt dầu sang đốt than. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 2,6%/năm.
- (e) Khoản vay thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay dùng để tài trợ cho Dự án Hà tiên 2.2 với thời hạn vay là 9 năm, lãi suất là 8,4%/năm.
- (f) Khoản vay thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay dùng để tài trợ cho Dự án Trạm nghiền Long An với thời hạn vay là 6 năm, lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 0,23%/năm đối với tiền VND và lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 2,16%/năm đối với tiền USD.
- (g) Khoản vay tín chấp dùng để tài trợ cho Dự án Hà Tiên 2.2 với thời hạn vay là 10 năm, lãi suất EURIBOR thả nổi + 0,16%/năm hoặc + 1,53%/năm.

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

#### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.334.188.240.000	725.438.730.000
Vốn góp của các cổ đông khác	645.811.760.000	374.561.270.000
Thặng dư vốn cổ phần	70.790.410.045	68.945.452.346
Cổ phiếu quỹ	(902.752.100)	(902.752.100)
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.517.214.120	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.055.404.872.065</u></b>	<b><u>1.168.042.700.246</u></b>

#### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	198.000.000	198.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	198.000.000	198.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	198.000.000	198.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	48.000	48.000
- Cổ phiếu phổ thông	48.000	48.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	197.952.000	197.952.000
- Cổ phiếu phổ thông	197.952.000	197.952.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### Các quỹ

	<u>Số cuối quý IV</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	97.063.215.208	47.284.353.739
Quỹ dự phòng tài chính	31.401.970.440	14.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>128.465.185.648</b>	<b>61.484.353.739</b>

#### Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.357.348.747.980	919.437.456.431
- Xi măng	1.276.721.005.396	911.069.626.438
- Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát ISO	5.759.454.883	5.759.505.942
- Clinker, vật liệu phụ, dịch vụ khác	74.868.287.701	2.608.324.051
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Chiết khấu thương mại	84.544.085.114	17.971.813.000
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.272.804.662.866</b>	<b>901.465.643.431</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Giá vốn xi măng thành phẩm	902.892.361.997	762.599.436.974
Giá vốn vữa xi măng XD, gạch các loại, cát ISO	4.889.288.113	5.908.304.894
Giá vốn clinker, vật liệu, dịch vụ	105.718.788.603	202.959.317
<b>Cộng</b>	<b>1.013.500.438.713</b>	<b>768.710.701.185</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.060.486.014	2.856.800.820
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	757.908.198	5.047.125.443

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1**

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thu nhập tài chính khác	3.329.000	512.845.055
<b>Cộng</b>	<b>4.821.723.212</b>	<b>8.416.771.318</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<b>Quý IV năm nay</b>	<b>Quý IV năm trước</b>
Chi phí lãi vay	143.638.788.379	24.612.349.269
Chiết khấu thanh toán		4.098.536.158
Lỗi chênh lệch tỷ giá	25.444.505.278	3.333.361.212
Dự phòng giảm giá chứng khoán	858.932.100	1.927.925.977
<b>Cộng</b>	<b>169.942.225.757</b>	<b>33.972.172.616</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<b>Quý IV năm nay</b>	<b>Quý IV năm trước</b>
Chi phí nhân viên	7.102.537.565	6.938.378.090
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	354.172.455	32.260.766
Chi phí dụng cụ, đồ dung	262.899.089	225.948.634
Chi phí khấu hao TSCĐ	557.806.085	155.402.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.034.924.829	7.382.125.023
Chi phí quảng cáo	10.537.750.493	8.568.105.221
Chi phí khuyến mãi	29.692.709.023	18.817.424.888
Chi phí bằng tiền khác	6.564.507.201	2.764.571.135
<b>Cộng</b>	<b>59.107.306.740</b>	<b>44.884.216.586</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Quý IV năm nay</b>	<b>Quý IV năm trước</b>
Chi phí nhân viên	22.355.869.533	14.556.523.424
Chi phí vật liệu quản lý	632.257.946	1.222.738.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.891.277.676	824.414.781
Thuế, phí và lệ phí	2.007.526.693	2.881.770.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.735.839.453	2.187.629.859
Chi phí bằng tiền khác	29.026.999.609	14.756.794.094
<b>Cộng</b>	<b>63.649.770.910</b>	<b>36.429.872.017</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Thu nhập khác	6.701.133.822	(272.443.249)
<b>Cộng</b>	<b>6.701.133.822</b>	<b>(272.443.249)</b>

#### 8. Chi Phí khác

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Chi phí khác	4.064.845.137	(6.918.097.473)
<b>Cộng</b>	<b>4.064.845.137</b>	<b>(6.918.097.473)</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2011



Trương Thị Thu Hương  
Người lập biểu



Lê Thị Phương Dung  
PT. Phòng Tài chính kế toán



Trần Việt Thắng  
Tổng Giám đốc